

**Van cụm**  
**CPV-SC-FB-VI**  
Số bộ phận: 538510

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                                     | Giá trị                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bộ điều khiển điện                                                           | Hệ thống lắp đặt CPI<br>Fieldbus                                                                           |
| Hệ thống I/O điện                                                            | có                                                                                                         |
| Van cụm                                                                      | 80                                                                                                         |
| Môi chất vận hành                                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                       |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                              |
| Nhiệt độ trung bình                                                          | -5 °C...50 °C                                                                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                               | -5 °C...50 °C                                                                                              |
| Mức độ bảo vệ                                                                | IP40                                                                                                       |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                         | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                   |
| Áp suất vận hành                                                             | -0.09 MPA...0.7 MPA<br>-0.9 bar...7 bar                                                                    |
| Áp suất điều khiển                                                           | 0.3 MPA...0.7 MPA<br>3 bar...7 bar                                                                         |
| Áp suất vận hành cho van cụm với nguồn cung cấp không khí thí điểm bên trong | 0.3 MPA...0.7 MPA                                                                                          |
| Áp suất vận hành cho van cụm với nguồn cung cấp khí điều khiển bên trong     | 3 bar...7 bar                                                                                              |
| Tuân thủ LABS                                                                | VDMA24364-B2-L                                                                                             |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                          | theo chỉ thị EMC của EU                                                                                    |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                        | theo quy định UK cho EMV                                                                                   |
| Dấu hiệu KC                                                                  | KC-EMV                                                                                                     |
| Giấy phép                                                                    | c UL us - Recognized (OL)                                                                                  |
| Ghi chú vật liệu                                                             | Tuân thủ RoHS                                                                                              |
| Lắp cụm van                                                                  | Lưỡi cố định                                                                                               |
| Số lượng tối đa vị trí van                                                   | 16                                                                                                         |
| Số vùng áp suất tối đa                                                       | 8                                                                                                          |
| Kiểu vận hành                                                                | điện                                                                                                       |
| Chức năng van                                                                | 2/2 đóng đơn ổn định<br>3/2 đóng đơn ổn định<br>3/2 mở đơn ổn định<br>5/2 lưỡng ổn định<br>5/2 đơn ổn định |
| Cấu trúc xây dựng                                                            | thanh trượt pít tông                                                                                       |

| Đặc tính                               | Giá trị             |
|----------------------------------------|---------------------|
| Kích thước van                         | 10 mm               |
| kiểm soát cung cấp không khí           | bên ngoài<br>trong  |
| Dòng chảy danh định bình thường tối đa | 170 l/phút ở 10 mm  |
| Chiều rộng định mức                    | 2.5 mm              |
| Phù hợp với chân không                 | có                  |
| Chức năng khí xả                       | không thể điều tiết |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén         | M5<br>QS-3<br>QS-4  |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu           | Đèn LED             |
| Điện áp hoạt động danh định DC         | 24 V                |
| Dao động điện áp cho phép              | +/- 10 %            |